

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : **43/2017/DS-ST**

Ngày 08/8/2017

*V/v : Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Kinh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Trà
2. Ông Huỳnh Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Nhã Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2016 về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2017/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn C, bà Võ Thị Thùy L. Địa chỉ: Số K521/30 đường N, phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Thiên T - Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Thiên T thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, *có mặt*

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV T. Địa chỉ: Số 19 đường T, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh, *có mặt*.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hà K - chức vụ: Phó Ban quản lý công trình

tòa nhà V Đà Nẵng. Địa chỉ: Lô A2 đường A, phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Xuân N -Luật sư của Công ty TNHH MTV Võ Xuân N thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH tư vấn và xây dựng A. Địa chỉ trụ sở: Số 51 đường Q, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức B - Chức vụ: Giám đốc công ty, có mặt

- Công ty cổ phần Đ. Địa chỉ trụ sở: Lô 1254 đường L, phường M, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Đ là ông Trần Nguyên V, chức vụ: Chỉ huy trưởng (theo giấy ủy quyền số 02/2017/UQU-LHM ngày 08.02.2017), vắng mặt

- Công ty cổ phần Bảo Hiểm B. Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà P, số 117-119 đường L, phường Q, quận K, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

- Công ty cổ phần xây dựng L. Địa chỉ trụ sở: Lô 1254 đường X, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

- Công ty TNHH K. Địa chỉ trụ sở: Số 09 đường C, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

* Người giám định: Công ty TNHH giám định C. Địa chỉ trụ sở: Số 121 đường D, quận H, thành phố Đà Nẵng, có ông Phạm Sỹ Minh T (là Giám đốc), có mặt

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Thanh Ch, bà Hà Thị Tuyết Nh. Địa chỉ: Số K521/22 đường A, phường L, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

- Ông Hồ Quang M, bà Ngô Thị L. Địa chỉ: Số K521/18 đường A, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

- Ông Hoàng Trọng Đ (vắng mặt) bà Hồ Thị H (có mặt) . Địa chỉ: Số K521/220 đường A, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng

- Ông Nguyễn Tùng Q, bà Hồ Thị Nh. Địa chỉ: Số K51/20 đường A, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Thiên T trình bày: ông C, bà L là chủ sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại K521/30 đường A, tổ 57 phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 3401110928, thửa đất số 184 tờ bản đồ số 72 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/12/2001.

Công trình tòa nhà V Đà Nẵng của chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV T được tiến hành xây dựng vào cuối năm 2014, với số tầng là 18 tầng, nằm sát các căn hộ dân cư và đường công cộng. Trong quá trình thi công đã làm lún, nứt, gãy các đoạn đường công cộng, cống thoát nước và nhà ở dân cư chung quanh, trong đó có nhà ông C, bà L. Do đó, ngày 06/4/2015 UBND phường N đã triệu tập hòa giải ba lần và không hòa giải được. Đối với nhà ông C, bà L, đã bị lún nền (do nền đất bị việc thi công móng công tòa nhà V làm chuyển nước và cát khỏi chân móng nhà) dẫn đến lún toàn bộ ngôi nhà; toàn bộ tường bị nứt, có chỗ có khe nứt rộng ánh sáng có thể xuyên qua; đường ray cửa chính bị lún, hỏng; tường nâng vê răng đa bị nứt, hở khoảng hai phân; tôn bị vỡ thi công rơi xuống làm mục, khi trời mưa nước đổ vào nhà rất mạnh, không thể bán cà phê như trước được nữa, từ đầu tháng 4/2015. Bên chủ đầu tư và bên thi công đã chấp nhận sự cố đó là do lỗi của họ, ba cuộc hòa giải bên chủ đầu tư đã đưa ra mức giá bồi thường thiệt hại rất vô lý và không có cơ sở là 60.000.000 đồng cho sự thiệt hại của gia đình ông C, bà L, do đó ông C, bà L đã không đồng ý. Tuy nhiên ông bà đã nhận số tiền bồi thường tạm thời là 60.000.000 đồng là để khắc phục tạ hậu quả

Trong đơn khởi kiện ông C, bà L yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T bồi thường cho ông C, bà L số tiền thiệt hại là 283.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu đồng). Trong đó:

- Thiệt hại về nhà: 200.000.000 đồng
- Thiệt hại về mất nguồn thu nhập (bán giải khát): bình quân 5.000.000 đồng/tháng x 13/tháng (tính đến tháng 4/2016) = 65.000.000 đồng

- Chi phí thuê chỗ ở khác: tính đến thời điểm khởi kiện là 12 tháng, đã nhận 6 tháng = 18.000.000 đồng, còn phải thanh toán 18.000.000 đồng

Tại phiên hòa giải ngày 23/3/2017 ông C, bà L có thay đổi về yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông C, bà L yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Trong đó: Thiệt hại về nhà là 114.500.000 đồng (theo kết luận giám định); chi phí thuê chỗ ở khác để sửa chữa nhà ở là 3 tháng x 6.000.000 đồng = 18.000.000 đồng. Số tiền mà trước đây đã nhận là 60.000.000 đồng ông C, bà L sẽ hoàn trả lại.

* Nguyên đơn ông Nguyễn C, bà Võ Thị Thùy L : Thống nhất với ý kiến của Luật sư và không bổ sung gì thêm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc ông C, bà L yêu cầu bồi thường là hoàn toàn không có cơ sở về mặt khoa học, cũng như cơ sở pháp lý, Công ty TNHH MTV T không chấp nhận bồi thường số tiền 283.000.000 đồng của nguyên đơn. Cụ thể:

- Về thiệt hại về nhà: Vào ngày 12.4.2015 bà Võ Thị Thùy L (vợ ông Nguyễn C) đã ký vào biên bản đền bù thỏa thuận, số tiền đền bù là 60.000.000 đồng và bà L đã nhận đủ số tiền này. Do đó, ông C, bà L yêu cầu đền bù là không có cơ sở.

- Thiệt hại về mất thu nhập: Số tiền 60.000.000 là khoản đền bù toàn bộ theo thỏa thuận giữa các bên, bà L đã nhận đủ. Mặt khác, tại thời điểm bị thiệt hại và hồ sơ kèm theo Đơn khởi kiện, ông C và bà L đã không chứng minh được phía Công ty gây thiệt hại về thu nhập cho vợ chồng ông bà. Công ty TNHH MTV T không có trách nhiệm giải quyết thiệt hại này.

- Về chi phí thuê chỗ ở: Công ty không có chủ trương hỗ trợ chi phí thuê nhà ở, cũng như chưa bao giờ thanh toán 06 tháng tiền nhà cho ông C, bà L.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/3/2017, Công ty TNHH MTV T có ý kiến như sau: ông C, bà L yêu cầu bồi thường là hoàn toàn không có cơ sở về mặt khoa học, cũng như

cơ sở pháp lý, Công ty TNHH MTV T không chấp nhận bồi thường số tiền 132.000.000 đồng của nguyên đơn.

Về kết luận giám định của Công ty giám định công ty không đồng ý với kết luận giám định. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV T không có yêu cầu giám định lại.

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà K trình bày: Thống nhất với ý kiến của Luật sư và không bổ sung gì thêm.

* Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH tư vấn và xây dựng A ông Nguyễn Đức B trình bày: Theo biên bản thỏa thuận đền bù ngày 12/4/2016 Công ty TNHH TV&XD A đã trả cho ông C, bà L số tiền 60.000.000 đồng là số tiền đền bù do thi công phần móng và cọc gây ra. Trong vụ án này ông C, bà L kiện chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV T yêu cầu bồi thường số tiền 132.000.000 đồng nên Công ty TNHH TV & XD A không có ý kiến. Đối với số tiền 60.000.000 đồng nếu có phát sinh Công ty TNHH TV & XD A sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác. Đối với kết luận giám định Công ty TNHH TV & XD A không có ý kiến gì. Tại thời điểm thỏa thuận đền bù ngày 12.4.2016 Công ty chúng tôi có chụp hình hiện trạng thiệt hại; Công ty TNHH TV & XD A sẽ cung cấp cho Tòa án các tài liệu có liên quan.

* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ ông Trần Nguyên V trình bày: Công ty CP Đ là đơn vị thi công phần thân, không phải thi công phần móng nên việc gây ra thiệt hại không thuộc trách nhiệm của Công ty CP Đ. Đối với kết luận giám định Công ty CP Đ không có ý kiến gì.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc đưa người vào tham gia tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần bảo hiểm A để tham gia phiên hòa giải nhưng người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần bảo hiểm A không đến Tòa án. Tuy nhiên Tòa án có nhận được văn bản đề ngày 22.12.2015 đề gửi cho Công ty TNHH tư vấn và xây dựng A, Công ty TNHH MTV T của Công ty CP bảo hiểm A gửi đến Tòa án với ý kiến như sau: Tồn thất xảy ra tại Công trình tòa

nhà V - Đà Nẵng không thuộc phạm vi được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm số 0601-0511-040101-15-000001. Vì vậy Công ty cổ phần bảo hiểm A từ chối bồi thường cho khiếu nại của Công ty TNHH tư vấn và xây dựng A.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đó tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc đưa người vào tham gia tố tụng, triệu tập họp lệ nhiều lần cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần bảo hiểm A để tham gia phiên hòa giải nhưng người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây dựng L, Công ty TNHH K không đến Tòa án, và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây dựng L, Công ty TNHH K tiếp tục vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 01/9/2016 theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án tiến hành trưng cầu Công ty TNHH giám định C giám định nguyên nhân gây nên thiệt hại và mức độ thiệt hại. Ngày 12/12/2016, Báo cáo kết luận giám định của Công ty TNHH giám định C thể hiện: nguyên nhân gây nên tổn thất cho ngôi nhà tại K521/30 đường T tổ 57 phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng là do ảnh hưởng của quá trình thi công công trình tòa nhà V Đà Nẵng; Chi phí khắc phục cho nhà của ông C, bà L là 114.515.000 đồng. Bị đơn không đồng ý với kết luận giám định nhưng không có yêu cầu giám định lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện VKD đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường tổng số tiền 132.000.000 đồng, trong đó: Thiệt hại về nhà là 114.500.000 đồng (theo kết luận giám định); chi phí thuê chỗ ở khác để sửa chữa nhà ở là 3 tháng x 6.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa ông Nguyễn C, bà Võ Thị Thùy L đối với Công ty TNHH MTV T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhà và đất tại địa chỉ K521/30 đường N, tổ 57 phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 50423 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/12/2001 đứng tên ông Nguyễn C, bà Võ Thị Thùy L, do vậy, nhà và đất tại địa chỉ trên của ông C, bà L được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xây dựng L, Công ty TNHH K, Công ty cổ phần Bảo hiểm A, Công ty cổ phần Đ.

Căn cơ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ HĐXX xét thấy:

Ông C, bà L là chủ sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại K521/30 đường N, tổ 57 phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 3401110928, thửa đất số 184 tờ bản đồ số 72 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/12/2001. Công trình tòa nhà V Đà Nẵng của chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV T được tiến hành xây dựng vào cuối năm 2014, với số tầng là 18 tầng, nằm sát các căn hộ dân cư và đường công cộng. Trong quá trình thi công đã làm lún, nứt, gãy các đoạn đường công cộng, cống thoát nước và nhà ở dân cư chung quanh, trong đó có nhà ông C, bà L. Do đó, ngày 06/4/2015 Ủy ban nhân dân phường N đã triệu tập hòa giải ba lần và không hòa giải được. Đối với nhà ông C, bà L, đã bị lún nền (do nền đất bị việc thi công móng công tòa nhà V làm chuyển nước và cát khỏi chân móng nhà ông C, bà L) dẫn đến lún toàn bộ ngôi nhà; toàn bộ tường bị nứt, có chỗ có khe nứt rộng ánh sáng có thể xuyên qua; đường ray cửa chính bị lún, hỏng; tường nâng vê răng đa bị nứt, hở

khoảng hai phân; tôn bị vỡ thi công rơi xuống làm mục, khi trời mưa nước đổ vào nhà rất mạnh. Từ đầu tháng 4/2015, Bên chủ đầu tư và bên thi công đã chấp nhận sự cố đó là do lỗi của họ, ba cuộc hòa giải bên chủ đầu tư đã đưa ra mức giá bồi thường thiệt hại rất vô lý và không có cơ sở là 60.000.000 đồng cho sự thiệt hại của gia đình ông C, bà L, do đó ông C, bà L không đồng ý. Tuy nhiên ông bà đó nhận số tiền bồi thường tạm thời là 60.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn bồi thường cho ông bà số tiền tổng cộng là 132.000.000 đồng, trong đó: Thiệt hại về nhà là 114.500.000 đồng (theo kết luận giám định); chi phí thuê chỗ ở khác để sửa chữa nhà ở là 3 tháng x 6.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân quận Hải Châu ngày 06/9/2016 có sự tham gia của các bà Võ Thị Thùy L là nguyên đơn và ông Đinh Thành V - cán bộ giám sát của bị đơn tham gia thể hiện: “*Kết cấu nhà: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401110928 thể hiện: Diện tích đất ở: 152,9m², nhà ở tổng diện tích sử dụng: 60,9m². Kết cấu tường xây, mái tôn, sàn gỗ (gác lửng), số tầng: 1 + gác lửng.*

Tuy nhiên qua xem xét thực tế kết cấu nhà được thể hiện như sau: Phần ông C, bà L xây dựng thêm phí trước nhà (đã thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (phía đông) hướng ra đường kiệt) ông C, bà L xây dựng thêm phần diện tích nhà có kết cấu: tường xây, mái tôn, nền gạch men, diện tích khoảng: chiều dài: 8, 67m², chiều ngang: 5m², bà Linh không nhớ rõ thời gian dựng vào năm nào. Ông C và bà L sẽ cung cấp thông tin sau cho Tòa án. Phần phía sau nhà (đã thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (hướng tây) kiệt ra đường T: 95m² kết cấu nhà như sau: tường xây, mái tôn, nền gạch men, số tầng 1, diện tích chiều dài: 9,6 m², chiều ngang: 5m².

Trong nhà xuất hiện các vết nứt, cụ thể được thể hiện qua ảnh kèm theo biên bản này. Đa số các vết nứt chạy dọc giao tường. Tổng cộng có 09 vết nứt do nhà bà L chỉ được đánh dấu từ số 01 – 09 (các ảnh kèm theo).

Căn cứ vào Báo cáo kết luận giám định của Công ty TNHH giám định C thể hiện: nguyên nhân gây nên tổn thất cho căn nhà tại K521/30 đường T, tổ 57 phường N, quận

H, thành phố Đà Nẵng của ông Nguyễn C, bà Võ Thị Thùy L là do ảnh hưởng của quá trình thi công tổng thể công trình tòa nhà văn phòng V Đà Nẵng và quá trình gây nên tổn thất này diễn ra một cách lâu dài. Tổng chi phí khắc phục cho căn nhà này là 114.515.000 đồng.

Ngoài ra căn cứ vào Giấy phép xây dựng số 1081/GPXD ngày 16/9/2011 của Ủy ban nhân dân quận Hải Châu cấp cho ông C, bà L thể hiện diện tích lô đất là 152,9m², diện tích xây dựng tầng số 1: 49,05m²; tổng diện tích sàn: 98,1m²; chiều cao công trình là 7,7m²; số tầng công trình: 02 tầng; chiều cao các tầng: tầng 1: 3,9m, tầng 2: 3,6m. Vì ông C, bà L không đủ khả năng nên chỉ xây dựng 1 tầng như hiện trạng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Ngoài ra năm 2007 ông C, bà L có xây dựng phía trước mặt, vì là nhà cấp 4 nên tại thời điểm đó không cần xin giấy phép xây dựng. Tuy vậy, ngôi nhà được nhà nước công nhận quyền sử hữu cho ông C, bà L để đền bù thiệt hại khi làm đường X theo Biên bản kiểm định khối lượng, chất lượng nhà ở lập ngày 07/6/2007 trong đó có ghi nhận sân xi măng trước nhà: 4,1 x 5,0 = 20.5m². Do thu hồi đất giải tỏa cắt chéo ngôi nhà và khu đất nên ông C, bà L không đồng ý và nhà nước cũng không giải tỏa nữa.

Từ những căn cứ, nhận định nêu trên, HĐXX nhận thấy kết luận giám định là phù hợp với hiện trạng thực tế khách quan của nhà ông C, bà L và Công trình Tòa nhà V Đà Nẵng, phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, kết luận giám định là có căn cứ. Bị đơn không đồng ý với kết luận giám định cũng không đưa ra được lập luận hay chứng cứ nào khác thể hiện kết luận giám định là chính xác và cũng không yêu cầu giám định lại. Vì vậy, kết luận giám định của Công ty TNHH giám định C được coi là một trong những chứng cứ quan trọng để giải quyết vụ án. HĐXX kết luận sự cố lún, nứt, thấm tường nhà của ông C, bà L là do sự cố công trình tòa nhà V Đà Nẵng của chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV T gây ra trong quá trình thi công tòa nhà trên gây ra. Do vậy, căn cứ vào Điều 267 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ tôn trọng quy tắc xây dựng, chủ đầu tư công trình là Công ty TNHH MTV T phải có trách nhiệm khắc phục sự cố công trình hoặc bồi thường chi phí để khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 604, 605, 608 Bộ luật Dân sự. Do vậy, cần buộc Công ty TNHH MTV T là chủ

đầu tư Công trình Tòa nhà V Đà Nẵng phải bồi thường chi phí khắc phục hậu quả bằng một số tiền cụ thể theo kết luận giám định của Công ty TNHH giám định C là 132.5000.000 đồng (Bao gồm 114.500.000đ là tiền thiệt hại về nhà ở theo kết luận giám định; 18.000.000đ là tiền chi phí thuê chỗ ở trong thời gian sửa chữa nhà). Tuy nhiên tại phiên tòa vợ chồng ông C và bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty TNHH MTV T bồi thường số tiền 65.000.000 (là tiền bồi thường thiệt hại về nhà và tiền thuê nhà) và phía bị đơn là Công ty TNHH MTV T cũng đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với số tiền ông C, bà L trước đây đã nhận 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông C, bà L và Công ty TNHH tư vấn và xây dựng A cho rằng số tiền bồi thường thiệt hại này do hai bên tự thỏa thuận bồi thường khi thi công phần móng của công trình và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

- Về chi phí giám định là 20.200.000 đồng do nguyên đơn nộp. Xét kết quả giám định chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên tuy nhiên tại phiên tòa do nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: bị đơn phải chịu án phí trên tổng số tiền phải bồi thường là 65.000.000 đồng là 3.250.000 đồng. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 267, 604, 605, 606 và 608 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C, bà Võ Thị Thùy L đối với Công ty TNHH MTV T. Xử: Buộc Công ty TNHH MTV T phải bồi thường cho ông Nguyễn C, bà Võ Thị Thùy L số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là **3.250.000** đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) Công ty TNHH MTV T phải chịu.

Ông Nguyễn C, bà Võ Thị Thùy L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn C, bà Võ Thị Thùy L 7.075.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000423 ngày 19.5.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Q. Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Ngọc Kinh Luân